

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo
ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng trình độ Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

Căn cứ Quyết định số 128/1999/QĐ-TTg ngày 28/05/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 1;

Căn cứ Quyết định 728/QĐ-BXD ngày 12/7/2010 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của trường CĐXD số 1;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ biên bản họp ngày 11/5/2017 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 về việc thẩm định Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng trình độ Cao đẳng;

Xét đề nghị của trưởng phòng NCKH&HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này **Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng trình độ Cao đẳng.**

Điều 2. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017.

Điều 3. Trưởng phòng NCKH&HTQT, phòng Đào tạo, phòng KT&ĐBCL; trưởng khoa Xây dựng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như điều 3;
- Lưu VT



ThS. Nguyễn Ngọc Chức

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Mã ngành: 6510105

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

Thời gian đào tạo: 2,5 năm học

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người kỹ sư thực hành có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết rộng về Vật liệu xây dựng; kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để giải quyết những công việc hoặc vấn đề phức tạp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm hướng dẫn tối thiểu, giám sát, đánh giá đối với nhóm thực hiện những nhiệm vụ xác định.

1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.1. Kiến thức

+ Trình bày được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước;

+ Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội để giải quyết các vấn đề liên quan đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành;

+ Đạt trình độ ngoại ngữ: tương đương bậc A2 (theo quy định trình độ của Bộ Giáo dục & Đào tạo)

+ Đạt trình độ tin học: B (theo quy định trình độ của Bộ GD &ĐT)

+ Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất.

2.1.2. Kỹ năng

+ Đọc được các bản vẽ công trình xây dựng dân dụng & công nghiệp cấp III, IV;

+ Tính toán cấp phối vật liệu, dự trù kinh phí vật liệu cho đơn vị sản phẩm;

+ Triển khai được các bước thiết kế mặt bằng, tổ chức và quản lý qui trình công nghệ sản xuất cấu kiện vật liệu xây dựng;

+ Tư vấn về sử dụng vật liệu xây dựng;

+ Giám sát kỹ thuật thi công lắp ghép cấu kiện xây dựng;

+ Lập dự toán cho các cấu kiện vật liệu xây dựng;

+ Quản lý khai thác sản xuất Vật liệu xây dựng, đảm bảo tuân thủ các qui trình, qui định của pháp luật về sản xuất Vật liệu xây dựng;

+ Thực hiện các thí nghiệm về Vật liệu xây dựng: các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu, bê tông, thép...

+ Kỹ năng soạn thảo văn bản, thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và theo nhóm;

+ Sử dụng được các phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel) và phần mềm tin học ứng dụng (Autocad);

+ Sử dụng Anh văn trong giao tiếp thông dụng; vận dụng vốn từ vựng Anh văn chuyên ngành trong quá trình công tác.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong:

- + Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu bê tông tươi, bê tông đúc sẵn;
- + Các công ty tư vấn thiết kế xây dựng, các phòng LAS, VILAS chuyên ngành xây dựng, các phòng kiểm định chất lượng;
- + Các công trường xây dựng;
- + Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội có liên quan đến ngành vật liệu xây dựng.
- + Giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nghề Vật liệu xây dựng

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 34 môn học
- Tổng số tín chỉ: 101
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2415 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 405 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2010 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 845 giờ; Thực hành, TT, TN, KT: 1570 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TT, TN, BT,	Thi/ KT
I	Các môn học chung	18	405	154	230	21
MH 01	Chính trị	5	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	2	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục QP- An ninh	3	75	36	36	3
MH 05	Tin học	3	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh giao tiếp)	3	75	15	58	2
II	Các môn học chuyên môn	83	2010	691	1222	97
II.1	Các môn học cơ sở	25	510	264	216	30
MH 07	Vẽ xây dựng	3	60	30	26	4
MH 08	Vật liệu xây dựng	4	90	30	56	4
MH 09	Cơ học công trình	4	90	30	56	4
MH 10	Hóa lý - Hóa keo	3	60	30	26	4
MH 11	Cơ sở cơ khí	2	30	28	0	2
MH 12	Kỹ thuật điện trong SX VLXD	2	30	28	0	2
MH 13	Vật liệu Polyme	2	30	28	0	2
MH 14	Kỹ thuật thi công	3	60	30	26	4
MH 15	Dự toán vật liệu xây dựng	2	60	30	26	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	56	1470	399	1006	65
MH 16	Hóa lý Silicat	3	60	30	26	4
MH 17	Thiết bị nhiệt trong sản xuất VLXD	4	90	30	56	4
MH 18	Máy sản xuất vật liệu XD	4	75	45	26	4



Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH, TT, TN, BT,	Thi/KT
MH 19	Vật liệu cách nhiệt	2	30	28	0	2
MH 20	Chất kết dính vô cơ	4	105	15	86	4
MH 21	Công nghệ bê tông xi măng 1	4	90	45	43	2
MH 22	Công nghệ bê tông xi măng 2	4	90	30	56	4
MH 23	Công nghệ gôm xây dựng	4	90	30	56	4
MH 24	Cấu tạo kiến trúc	4	75	45	26	4
MH 25	Kết cấu Bê tông cốt thép	3	60	30	26	4
MH 26	An toàn lao động	2	30	28	0	2
MH 27	Pháp luật xây dựng	2	30	28	0	2
MH 28	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh chuyên ngành xây dựng)	2	45	15	26	4
MH 29	Tin ứng dụng AutoCad	2	60	0	56	4
MH 30	Thí nghiệm và kiểm định chất lượng VLXD	1	45	0	43	2
MĐ 31	Thực tập công nhân	2	90	0	85	5
MĐ 32	Thực tập cán bộ kỹ thuật	4	180	0	175	5
MĐ 33	Đồ án tốt nghiệp	5	225	0	220	5
II.3	Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2	30	28	0	2
MH 34.1	Vật lý kiến trúc	2	30	28	0	2
MH 34.2	Kết cấu gạch đá	2	30	28	0	2
Tổng cộng		101	2415	845	1452	118

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết, 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

- Các phương thức đánh giá, thời gian kiểm tra, thi thực hiện theo quy định hiện hành của trường.

- Chương trình môn học thực hiện theo phụ lục 2 của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thời gian thiết kế thực hiện chương trình: 2.5 năm.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Điều 25 Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quy chế đào tạo của Trường Cao đẳng Xây dựng số 1.



ThS. Nguyễn Ngọc Bích